

Quan điểm của Immanuel Kant về tình dục, hôn nhân và gia đình từ góc độ đạo đức và pháp quyền

Nguyễn Duy Hậu*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài 23/12/2025; ngày chuyển phản biện 25/12/2025; ngày nhận phản biện 16/1/2026; ngày chấp nhận đăng 22/1/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu này phân tích quan điểm của Immanuel I. Kant về tình dục, hôn nhân và gia đình dưới góc độ đạo đức học và triết học pháp quyền. Dựa trên việc khảo cứu hai tác phẩm “Các bài giảng về Đạo đức” và “Siêu hình học về Đức lý”, bài báo làm sáng tỏ lập luận của I. Kant rằng tính dục tự nhiên chứa đựng nguy cơ dẫn đến sự “vật hóa”, biến con người thành phương tiện thỏa mãn ham muốn. Để giải quyết mâu thuẫn giữa bản năng và phẩm giá, I. Kant xác lập hôn nhân như một khế ước pháp lý nghiêm ngặt về sự sở hữu hỗ tương trọn vẹn, qua đó khôi phục nhân vị của các chủ thể. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra những giới hạn lịch sử trong quan niệm gia trưởng của I. Kant về quyền quản trị của người chồng, đồng thời khẳng định nghĩa vụ tuyệt đối của cha mẹ đối với con cái dựa trên trách nhiệm kiến tạo sinh mệnh. Kết quả cho thấy, tư duy của I. Kant đánh dấu bước chuyển quan trọng từ mục đích luận sinh học sang nền tảng chuẩn tắc đạo đức, gợi mở những giá trị cốt lõi về quyền tự quyết trong xã hội hiện đại.

Từ khóa: hôn nhân, Immanuel Kant, phẩm giá con người.

Chỉ số phân loại: 5.11, 5.13

Immanuel Kant's views on sexuality, marriage, and family from ethical and juridical perspectives

Duy Hau Nguyen*

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University - Ho Chi Minh City,
10-12 Dinh Tien Hoang Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 23 December 2025; revised 16 January 2026; accepted 22 January 2026

Abstract:

This study analyses Immanuel Kant's views on sexuality, marriage, and family from ethical and juridical perspectives. Based on the examination of “Lectures on Ethics” and “The Metaphysics of Morals”, the article clarifies Kant's argument that natural sexual impulse poses the risk of “objectification”, turning human beings into a mere means for satisfying desire. To resolve the conflict between instinct and dignity, Kant establishes marriage as a strict legal contract regarding mutual and complete possession, thereby restoring the personhood of the subjects involved. Furthermore, the study highlights the historical limitations in Kant's patriarchal conception of the husband's governance, while affirming the absolute duties of parents towards children based on the responsibility of procreation. The findings demonstrate that Kant's thought marks a significant shift from biological teleology to ethical normativity, elucidating the core values of autonomy in modern society.

Keywords: human dignity, Immanuel Kant, marriage.

Classification numbers: 5.11, 5.13

*Email: duyhau1082003@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng phương Tây, Immanuel Kant (1724-1804) không chỉ được biết đến như người sáng lập nền triết học cổ điển Đức với các công trình nền tảng về nhận thức luận và siêu hình học, mà còn là một nhà tư tưởng đạo đức học và triết học pháp quyền có tầm ảnh hưởng sâu rộng. Các công trình của ông, đặc biệt là hai tác phẩm: Các bài giảng về Đạo đức (1793) và Siêu hình học về Đức lý (1797), đã thiết lập nên một hệ thống lý luận chặt chẽ về tính dục và hôn nhân [1, 2]. Đối với I. Kant, đời sống tình dục của con người không đơn thuần là hành vi sinh học hay sự thăng hoa cảm xúc, mà luôn tiềm ẩn một nguy cơ mà ông gọi là sự “vật hóa”. Trong ngữ cảnh triết học của I. Kant, khái niệm này được hiểu là quá trình chủ thể nhân vị (person) bị xem là một đồ vật (thing/sache), bị tước bỏ phẩm giá vốn có để trở thành phương tiện đơn thuần cho sự thỏa mãn ham muốn của người khác. Chính từ nguy cơ vật hóa này, I. Kant lập luận rằng, chỉ có trong khuôn khổ hôn nhân được định nghĩa như một khổ ước pháp lý về quyền sở hữu trọn vẹn lẫn nhau, nhân phẩm con người mới được khôi phục và bảo vệ.

Trên thế giới, nỗ lực tái cấu trúc quan điểm của I. Kant được thể hiện tiêu biểu qua các nghiên cứu của H. Varden (2006, 2018) nhằm bảo vệ ông trước các phê phán nữ quyền và làm rõ điều kiện đạo đức của tính dục [3, 4]. Bên cạnh đó, các tranh luận về nghĩa vụ với bản thân và quyền tự quyết cũng được J.M. Finnis (1987), K. Bauer (2018) và D. Mattox (2014) khai thác sâu [5-7]. Tuy nhiên, các hướng tiếp cận này chủ yếu tập trung vào đạo đức học thuần túy hoặc ứng dụng nữ quyền hiện đại mà chưa khai thác triệt để cấu trúc pháp quyền của định chế gia đình. Tại Việt Nam, nghiên cứu về I. Kant đạt được nhiều thành tựu qua các bản dịch và chú giải nền tảng của B.V.N. Sơn [8-10]. Một số công trình của Trần Thái Đình (2005) và Viện Triết học nghiên cứu trước đó (1997) đã cung cấp cái nhìn tổng quan về hệ thống triết học của ông [11, 12]. Về các khía cạnh cụ thể như nhận thức, đạo đức và mỹ học, Nguyễn Văn Hạnh (2016, 2020) và Lê Đức Thọ (2018, 2020) đã có nhiều phân tích sâu sắc [13-16]. Mặc dù vậy, vẫn tồn tại một khoảng trống lớn về các công trình phân tích trực diện quan điểm của I. Kant về tính dục, hôn nhân và gia đình dưới góc độ học thuyết về quyền, vượt ra khỏi khuôn khổ các nguyên lý đạo đức chung.

Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu tập trung phân tích sự chuyển dịch từ bản năng tự nhiên sang nghĩa vụ đạo đức và pháp lý theo tư tưởng I. Kant. Mục đích không chỉ nhằm tái hiện lịch sử mà còn cung cấp cơ sở triết học giải quyết các vấn đề đương đại như sự đồng thuận và quyền tự quyết, dựa trên nguyên tắc “con người là mục đích tự thân”. Bài viết sẽ làm sáng tỏ logic pháp quyền của hôn nhân trong việc hợp thức hóa tính dục, đồng thời đánh giá cấu trúc quyền lực gia đình để nhận diện cả tính hiện đại lẫn những giới hạn lịch sử của ông.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là quan điểm của I. Kant về tính dục, hôn nhân và gia đình. Phương pháp chủ đạo là phân tích văn bản và tổng hợp lý thuyết dựa trên hai tác phẩm nguồn: Các bài giảng về Đạo đức (1775-1780) - mang sắc thái luân lý và Siêu hình học về Đức lý (1797) - nơi I. Kant tách biệt pháp quyền khỏi đức hạnh. Đồng thời, phương pháp so sánh lịch sử (với T. Aquinas, J. Locke) được vận dụng để làm nổi bật bước chuyển từ mệnh lệnh đạo đức sang nguyên tắc pháp lý duy lý trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa bản năng và phẩm giá.

3. Kết quả

3.1. Quan niệm về tính dục và sự vật hóa con người

Trong hệ thống triết học đạo đức của I. Kant, tính dục không được tiếp cận đơn thuần như một bản năng sinh học hay sự thăng hoa của cảm xúc lãng mạn, mà được phân tích dưới vai trò của nghĩa vụ và phẩm giá con người. Khi khảo cứu về bản tính của các ham muốn trong tác phẩm Các bài giảng về Đạo đức, I. Kant đã thực hiện một sự phân biệt rạch ròi giữa tình yêu (dựa trên tình cảm) và tính dục (dựa trên sự ham muốn). Ông mô tả ham muốn tính dục, xét ở trạng thái tự nhiên, là một dạng khao khát chiếm đoạt đối tượng khác, không phải vì hạnh phúc của người đó mà nhằm mục đích hưởng thụ khoái cảm cho bản thân chủ thể [1]. Ở đây, I. Kant không chủ ý gán ghép sự ô uế mang tính luân lý cho hành vi tính dục, mà ông mô tả một cơ chế tâm lý sinh học khách quan, khi ham muốn xác thịt trỗi dậy, sự chú ý của con người có xu hướng khu biệt vào các đặc tính giới tính thay vì trân trọng toàn thể nhân vị của đối phương. Chính cơ chế này dẫn đến nguy cơ của cái mà triết học gọi là sự “vật hóa”, nơi con người vốn là một chủ thể tự do bị hạ thấp xuống thành đối tượng của sự thỏa mãn.

Vấn đề cốt lõi mà I. Kant biện giải không phải là sự bài trừ khoái cảm, mà là nguy cơ đánh mất phẩm giá trong quan hệ tính dục. Ông lập luận rằng ham muốn tính dục có xu hướng biến người được yêu thành một vật thể của sự thèm khát. Ông sử dụng một hình ảnh ẩn dụ khắc nghiệt nhưng đầy tính mô tả để minh họa cho tính chất nhất thời và vị kỷ của ham muốn tự nhiên này: “ngay khi sự thèm khát được thỏa mãn, đối tượng kia có thể bị gạt bỏ như một quả chanh đã bị vắt kiệt nước” [1]. Điều này xảy ra bởi vì trong khoảnh khắc của sự chiếm hữu bản năng, con người không còn tương tác với nhau như những nhân vị có lý tính, mà như những công cụ phục vụ cho nhu cầu sinh lý. Nếu một cá nhân cho phép người khác sử dụng cơ thể mình chỉ để thỏa mãn ham muốn mà không có bất kỳ ràng buộc đạo đức hay pháp lý nào, thì I. Kant cho rằng họ đang tự hạ thấp nhân tính của mình xuống hàng sinh thể bản năng (những tồn tại chỉ hành động theo xung năng tự nhiên) hoặc sự vật (những đối tượng không sở hữu phẩm giá và quyền tự quyết). Đây

là điểm mấu chốt trong lập luận của I. Kant, ông phê phán việc sử dụng con người đơn thuần như một phương tiện trong tình dục, chứ không phủ nhận giá trị của sự thân mật thể xác nếu nó được đặt trong một bối cảnh tôn trọng nhân phẩm.

Bước sang tác phẩm Siêu hình học về Đức lý, I. Kant chuyển hướng tiếp cận từ những mô tả mang tính tâm lý - đạo đức sang các nguyên tắc pháp quyền chặt chẽ hơn nhằm giải quyết mâu thuẫn này. Ông khẳng định rằng hành vi tự biến mình thành vật thể để người khác hưởng thụ chính là sự vi phạm quyền phổ quát ngay trong bản thân chủ thể [2]. Dựa trên nguyên tắc mệnh lệnh tuyệt đối, con người luôn phải được tôn trọng như một mục đích tự thân thay vì chỉ đơn thuần là phương tiện. Tuy nhiên, I. Kant chỉ ra một nghịch lý là con người không có quyền tự quyết theo nghĩa định đoạt tùy nghi đối với cơ thể mình, bởi lẽ con người đóng vai trò là chủ thể sở hữu chứ không phải vật sở hữu. Ông nhấn mạnh quan điểm rằng con người không thể là tài sản của ai đó và cũng không thể là tài sản của chính mình theo nghĩa vật lý [2]. Lập luận này cần được hiểu như sự bảo vệ cốt lõi cho tính chủ thể, hàm ý rằng một cá nhân không có quyền dùng tự do của mình để triệt tiêu chính tự do và nhân phẩm của bản thân. Nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu tình dục tất yếu và yêu cầu không vật hóa con người, I. Kant đặt tình dục vào một khuôn khổ pháp lý cụ thể. Theo đó, chỉ khi sự trao đổi thân xác diễn ra trong bối cảnh mà cả hai bên trao trọn vẹn bản thân cho nhau và khôi phục nhân cách của đối phương thông qua quyền sở hữu hợp pháp thì hành vi tình dục mới thực sự thoát khỏi nguy cơ biến con người thành công cụ.

3.2. Hôn nhân như một khế ước pháp lý khôi phục nhân phẩm

Nếu như tính dục tự nhiên, khi tách rời khỏi các ràng buộc đạo đức, được I. Kant mô tả như một nguy cơ dẫn đến sự “vật hóa” con người, biến nhân vị thành phương tiện cho khoái cảm, thì ông tìm thấy lối thoát duy nhất cho bế tắc này thông qua định chế hôn nhân. Tuy nhiên, quan niệm của I. Kant về hôn nhân hoàn toàn xa lạ với những diễn giải lãng mạn hay thần học đương thời; đối với ông, hôn nhân trước hết và quan trọng nhất là một quan hệ pháp lý, một khế ước dựa trên lý tính để hợp thức hóa việc sử dụng các thuộc tính giới tính của con người mà không vi phạm vào nhân phẩm của họ. Trong tác phẩm Siêu hình học về Đức lý, I. Kant đưa ra một định nghĩa nổi tiếng và mang tính kỹ trị về hôn nhân: “Hôn nhân là sự kết hợp của hai người khác giới nhằm sở hữu suốt đời các thuộc tính giới tính của nhau” [2]. Định nghĩa này thoát nghe có vẻ thô bạo vì nó nhấn mạnh vào sự “sở hữu” và “thuộc tính giới tính”, song thông qua định nghĩa này, I. Kant đã chuyển dịch hôn nhân từ khái niệm bí tích tôn giáo sang một khái niệm pháp quyền thế tục, nơi các nghĩa vụ được xác lập rõ ràng để bảo vệ các chủ thể khỏi sự lạm dụng.

Cơ sở lý luận của I. Kant cho sự chuyển đổi này không nằm ở sự thăng hoa cảm xúc mà nằm ở cơ chế trao đổi quyền lợi để đảm bảo sự tự trị. Ông lập luận rằng để một người không bị coi là vật khi thỏa mãn ham muốn của người khác, họ phải có quyền sở hữu lại chính người đó. Ông viết: “Nếu tôi có quyền đối với toàn bộ con người của một ai đó, tôi có quyền đối với cả bộ phận giới tính của họ” [1]. Vấn đề của tình dục tự do, theo I. Kant biện giải, là người ta chỉ muốn sử dụng bộ phận giới tính mà không chịu trách nhiệm với toàn bộ con người đó. Ngược lại, hôn nhân yêu cầu chủ thể buộc phải tiếp nhận “toàn bộ con người” của đối phương như một điều kiện tiên quyết để được phép tiếp cận thân thể họ. I. Kant mô tả quá trình này như một sự trao quyền hỗ tương: “Khi tôi trao trọn vẹn bản thân mình cho một người khác và cũng sở hữu trọn vẹn người đó thay cho bản thân mình, tôi đã giành lại chính tôi” [1]. Ở đây, I. Kant không diễn giải theo hướng cứu rỗi linh hồn, mà ông đang thiết lập một nguyên tắc pháp lý về sự bình đẳng khi quyền sở hữu được trao đi và nhận lại một cách trọn vẹn và ngang bằng, tình trạng lệ thuộc bị triệt tiêu, và hai bên trở thành những chủ thể quyền lợi ngang hàng.

Tính chất pháp lý đặc biệt của hôn nhân được I. Kant xếp vào loại “Các quyền đối với người giống như các quyền đối với vật”. Đây là một khái niệm phức tạp và độc đáo trong triết học pháp quyền của I. Kant, được H. Varden phân tích là nỗ lực của ông nhằm giải quyết nghịch lý của việc sở hữu một con người [3]. Khái niệm này chỉ ra rằng, trong hôn nhân, con người vừa đóng vai trò là chủ thể của quyền (người sở hữu), vừa là đối tượng của quyền (người bị sở hữu, tương tự như vật). Trong Siêu hình học về Đức lý, ông giải thích rằng mối quan hệ này không phải là sự sở hữu tài sản đơn thuần (như nô lệ), mà là quyền sở hữu một con người “như là một vật” nhưng vẫn phải tôn trọng họ “như là một người” [2]. Điều này chỉ có thể thực hiện được thông qua sự độc quyền và vĩnh viễn của khế ước hôn nhân. I. Kant kiên quyết bác bỏ các hình thức sống chung tạm thời hoặc hình thức hôn nhân có thời hạn, vì nếu chỉ sở hữu nhau trong một khoảng thời gian, con người sẽ bị giáng cấp thành vật dụng có thể thuê mướn rồi vứt bỏ. Daniel Mattox trong nghiên cứu của mình cũng đồng tình rằng, đối với I. Kant, chỉ có sự cam kết trọn đời mới đảm bảo rằng sự vật hóa trong khoảnh khắc tính dục được bao bọc và hóa giải bởi trách nhiệm đạo đức bền vững đối với toàn bộ cuộc đời của người bạn đời [7].

Cuối cùng, khế ước hôn nhân trong triết học I. Kant không chỉ là sự hợp thức hóa tính dục mà còn là nền tảng duy nhất tạo ra sự bình đẳng đạo đức giữa hai giới trong quan hệ xác thịt. Nếu không có luật pháp của hôn nhân, sự chênh lệch về sức mạnh hoặc ham muốn sẽ dẫn đến việc một người trở thành nô lệ cho khoái cảm của người kia. I. Kant nhấn mạnh rằng trong hôn nhân, “cả hai bên đều

binh đẳng với nhau” về quyền sở hữu thân thể [1]. Không ai có quyền thống trị người kia trong vấn đề tình dục, vì cả hai đều đã trao tặng quyền đó cho nhau một cách tự nguyện và trọn vẹn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sự bình đẳng mà I. Kant mô tả ở đây chủ yếu là bình đẳng trên phương diện khế ước sở hữu thân thể, chứ không hẳn là sự bình đẳng xã hội toàn diện theo quan niệm hiện đại, bởi lẽ trong các phần khác của hệ thống triết học, ông vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi các định kiến thời đại về vai trò giới. Dẫu vậy, chính sự ràng buộc pháp lý khắc nghiệt này của I. Kant lại là bức tường thành bảo vệ sự tự do và nhân vị của con người trước sức mạnh hủy diệt của bản năng tự nhiên; hôn nhân, do đó, là sự chuyển hóa của ham muốn bản năng thành một nghĩa vụ đạo đức cao cả thông qua sức mạnh của lý tính và luật pháp.

3.3. Cấu trúc quyền lực và bình đẳng trong gia đình

Đối với một triết gia cổ điển Đức như I. Kant, gia đình không chỉ đơn thuần là một cộng đồng tình cảm mà còn là một xã hội thu nhỏ được điều chỉnh bởi các nguyên tắc công lý nghiêm ngặt. Tuy nhiên, khi xây dựng cấu trúc quyền lực trong gia đình, I. Kant đã để lộ một sự căng thẳng nội tại chưa được giải quyết triệt để giữa nguyên tắc tự trị đạo đức phổ quát và các định kiến nhân học của thời đại. Mặc dù ông nỗ lực xác lập sự bình đẳng tuyệt đối về nhân phẩm giữa vợ và chồng thông qua khế ước hôn nhân, nhưng trong Siêu hình học về Đức lý, I. Kant vẫn duy trì một trật tự thứ bậc trong quản trị gia đình, nơi ông lập luận rằng trong gia đình cần trao quyền làm chủ cho người chồng dựa trên ưu thế tự nhiên về năng lực của nam giới [2]. Khái niệm “ưu thế tự nhiên” này đặt ra một mâu thuẫn lý luận với chính học thuyết của I. Kant, vốn khẳng định mọi nhân vị đều có năng lực tự lập pháp đạo đức. Nếu một cá nhân được xem là có quyền quản trị người khác chỉ vì giới tính sinh học, thì nguyên tắc tự trị của chủ thể bị suy giảm từ bên trong. Đây không phải là một sự cân bằng hài hòa giữa quyền uy và bình đẳng như một số cách diễn giải cố gắng biện hộ, mà thực chất là một giới hạn lịch sử của triết học I. Kant, nơi lý tính siêu nghiệm đã phải thỏa hiệp trước các cấu trúc xã hội gia trưởng của thế kỷ XVIII.

Dù vậy, I. Kant vẫn cố gắng đưa ra một sự phân biệt quan trọng để cứu vãn tính hợp pháp của quyền lực người chồng, quyền này không được hiểu là quyền lực của một ông chủ đối với nô lệ, mà là quyền lực quản trị vì lợi ích chung. Trong Các bài giảng về Đạo đức, I. Kant khẳng định: “Trong hôn nhân, một người phục tùng người kia... nhưng người vợ không phục tùng chồng để làm nô lệ, mà để cho lợi ích chung của cả gia đình” [1]. Ông nhấn mạnh rằng, dù người chồng có quyền ra lệnh trong các vấn đề quản lý, mệnh lệnh đó không được phép xâm phạm đến tự do nội tại của người vợ. Người vợ, dù tuân phục trong các vụ việc cụ thể, vẫn giữ nguyên tư cách là một nhân vị tự do trong khế

ước hôn nhân và không bao giờ trở thành tài sản của chồng. Các nhà nghiên cứu như Helga Varden cho rằng đây là nỗ lực của I. Kant, nhằm xây dựng một mô hình gia đình nơi trật tự pháp lý (sự lãnh đạo) không được phép tiêu diệt trật tự đạo đức (sự tôn trọng nhân phẩm), dù nỗ lực này vẫn còn dang dở và chứa đựng mâu thuẫn [4].

Chuyển sang mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, I. Kant xây dựng một học thuyết pháp quyền dựa trên khái niệm mà ngày nay chúng ta có thể gọi là trách nhiệm kiến tạo. Ông kiên quyết phản đối quan niệm coi con cái là tài sản của cha mẹ. Trong Siêu hình học về Đức lý, I. Kant lập luận rằng hành vi sinh sản là hành vi mang một con người vào thế giới mà không có sự đồng ý trước của họ và ném họ vào trạng thái tồn tại đầy rủi ro [6]. Vì lẽ đó, cha mẹ mặc nhiên gánh chịu một nghĩa vụ pháp lý bắt buộc chứ không chỉ là tình thương tự nguyện phải chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái, cho đến khi chúng có khả năng tự lập. I. Kant viết: “Bởi vì cha mẹ đã mang con cái vào cuộc đời... họ có nghĩa vụ làm cho con cái hài lòng với điều kiện sống của chúng” [2]. Quan điểm này của I. Kant, dù chưa xây dựng nên khái niệm “quyền trẻ em” theo nghĩa hiện đại đầy đủ, nhưng đã chứa đựng những hạt nhân tư tưởng quan trọng gợi mở cho sự hình thành các quyền này, đó là việc thừa nhận đứa trẻ ngay từ khi sinh ra đã là một công dân thế giới với quyền được bảo vệ và phát triển, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của cha mẹ.

Quyền của cha mẹ đối với con cái, theo I. Kant, chỉ là một quyền tạm thời và có điều kiện, tồn tại vì sự yếu đuối và chưa trưởng thành của đứa trẻ. Mục đích cuối cùng của quyền lực này không phải là để phục vụ lợi ích của cha mẹ, mà là để chuẩn bị cho con cái khả năng tự do sử dụng lý trí của chính mình. Quyền lực này sẽ tự động chấm dứt khi đứa trẻ đạt đến độ tuổi trưởng thành và có khả năng tự nuôi sống bản thân. Khi đó, cha mẹ và con cái trở lại trạng thái bình đẳng hoàn toàn về mặt pháp lý, không còn sự phục tùng hay cai trị. Quan điểm về gia đình trong triết học I. Kant không phải là nơi sở hữu con người vĩnh viễn, mà đóng vai trò như một trường học của sự tự do, nơi chuẩn bị cho cá nhân bước vào đời sống đạo đức độc lập.

4. Bàn luận

4.1. Tính tiến bộ và hạn chế trong quan niệm của Immanuel Kant về tình dục, hôn nhân và gia đình

Quan niệm của I. Kant về hôn nhân và gia đình thể hiện một bước chuyển dịch mô thức (paradigm shift) sâu sắc từ truyền thống luật tự nhiên và thần học sang triết học pháp quyền (philosophy of right). Tính tiến bộ trong tư tưởng của I. Kant nằm ở nỗ lực thế tục hóa (secularisation) và pháp lý hóa các quan hệ nhân tính, nhằm bảo vệ phẩm giá con người (human dignity) trước sự chi phối của bản năng. Nếu đặt

I. Kant vào thế đối sánh với các tư tưởng tiền nhiệm, ta thấy ông đã vượt gộp quan niệm của Thomas Aquinas và chủ nghĩa duy nghiệm Anh để thiết lập một nền tảng đạo đức học duy lý nghiêm ngặt.

Trước hết, về mặt tiên bộ, I. Kant đã đoạn tuyệt với quan niệm mục đích luận sinh học (biological teleology) vốn thống trị tư tưởng phương Tây nhiều thế kỷ. Trong S. Theologica, T. Aquinas lập luận rằng hôn nhân và tình dục thuộc về luật tự nhiên (natural law), với mục đích tối hậu là sinh sản và giáo dục con cái nhằm duy trì nòi giống [17]. Theo T. Aquinas, bất kỳ hành vi tình dục nào không hướng đến mục đích sinh sản đều là tội lỗi vì nó đi ngược lại tự nhiên. Ngược lại, Kant trong Siêu hình học về Đức lý đã loại bỏ hoàn toàn yếu tố sinh học này ra khỏi định nghĩa về tính hợp pháp của hôn nhân. Đối với I. Kant, mục đích của hôn nhân không phải là sinh con, mà là hợp thức hóa sự sở hữu các thuộc tính giới tính giữa hai nhân vị. Sự tiên bộ này thể hiện ở chỗ: I. Kant công nhận giá trị tự thân của khế ước hôn nhân ngay cả khi không có con cái, đặt trọng tâm vào sự tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng như những chủ thể pháp quyền, thay vì xem họ là công cụ của nòi giống.

Thứ hai, I. Kant đã khắc phục sự lỏng lẻo về mặt đạo đức của chủ nghĩa duy cảm (Sentimentalism) và chủ nghĩa tự do sơ khai. J. Locke, trong Khảo luận thứ hai về chính quyền, quan niệm “xã hội phụ phụ” (conjugal society) là một hợp đồng tự nguyện chủ yếu nhằm mục đích sinh sản và nuôi dưỡng con cái, và do đó, nó có thể bị chấm dứt khi mục đích này đã hoàn thành hoặc theo thỏa thuận [18]. D. Hume, trong Luận thuyết về bản chất con người, lại đặt nền tảng của đạo đức và các mối quan hệ xã hội trên cơ sở của cảm xúc (passions) và sự thiện cảm (sympathy) hơn là lý tính thuần túy [19]. I. Kant phản đối kịch liệt cả hai khuynh hướng này. Ông cho rằng, xây dựng hôn nhân trên nền tảng lợi ích (như Locke) hay cảm xúc (như Hume) là hạ thấp tính thiêng liêng của nghĩa vụ đạo đức. Với Kant, hôn nhân là một “liên minh sở hữu trọn đời” không thể hủy bỏ tùy tiện, bởi lẽ nếu con người có thể “thuê mướn” nhau hoặc kết thúc sở hữu khi hết yêu, thì con người đã bị giáng cấp thành vật dụng. Bằng cách buộc chặt tình dục vào một khuôn khổ pháp lý vĩnh viễn, I. Kant đã tạo ra một rào chắn bảo vệ nhân vị con người khỏi sự biến động của dục vọng và sự tính toán lợi ích nhất thời.

Tuy nhiên, quan điểm của I. Kant chứa đựng những hạn chế lịch sử không thể phủ nhận, đặc biệt là trong vấn đề bình đẳng giới và tính chất khô cứng của chủ nghĩa hình thức (formalism). Dù chịu ảnh hưởng từ J.J. Rousseau về quan niệm “tự do” và “nhân phẩm”, Kant lại không chia sẻ cái nhìn lãng mạn của Rousseau trong Émile về sự bổ sung hài hòa giữa nam và nữ [20]. Thay vào đó, I. Kant duy trì một cái nhìn gia trưởng, thừa nhận quyền uy của người

chồng dựa trên “ưu thế tự nhiên” (natural superiority). Mặc dù ông nỗ lực biện minh rằng sự phục tùng của người vợ không phải là nô lệ, nhưng mâu thuẫn nội tại vẫn tồn tại: làm thế nào một chủ thể đạo đức tự trị (autonomous moral agent) lại có thể chấp nhận sự quản trị của người khác mà không đánh mất sự tự do của mình? Hơn nữa, việc I. Kant coi tình dục thuần túy là sự “vật hóa” nếu thiếu hôn nhân đã dẫn đến những kết luận cực đoan, phủ nhận hoàn toàn giá trị của tình yêu thương nằm ngoài khuôn khổ pháp lý, biến đạo đức học của ông trở nên xa lạ với thực tiễn phong phú của đời sống con người.

4.2. Giá trị tham chiếu đối với các vấn đề tình dục, hôn nhân và gia đình hiện đại

Mặc dù mang đậm dấu ấn của thế kỷ XVIII, triết học pháp quyền của I. Kant vẫn cung cấp những công cụ tư duy sắc bén để giải quyết các vấn đề đạo đức sinh học và luật hôn nhân và gia đình trong bối cảnh hiện đại. Thay vì nhìn nhận những quy tắc của ông như những giáo điều cổ hủ, chúng ta có thể thấy trong đó những nguyên tắc cốt lõi về sự đồng thuận (consent) và quyền tự quyết (autonomy) đang chi phối tư duy pháp lý ngày nay.

Thứ nhất, nguyên tắc chống “vật hóa” (anti-objectification) của I. Kant là tiền đề triết học vững chắc cho các quy định pháp luật về sự toàn vẹn thân thể và chống xâm hại tình dục. Khi I. Kant khẳng định trong Các bài giảng về Đạo đức rằng “con người không có quyền định đoạt bản thân mình như một món đồ” và không được phép dùng người khác như phương tiện [1], ông đã đặt nền móng cho quan niệm hiện đại về nhân phẩm trong quan hệ tình dục. Trong bối cảnh ngày nay, khi các vấn đề như mại dâm, mang thai hộ thương mại hay việc sử dụng hình ảnh cơ thể trong môi trường số đang gây tranh cãi, lập luận của I. Kant nhắc nhở rằng, mọi giao dịch liên quan đến cơ thể con người đều phải chịu sự kiểm tra nghiêm ngặt về mặt đạo đức: liệu hành vi đó có biến con người thành công cụ thuần túy hay không? Quan điểm này vượt xa tư duy “thỏa thuận là được” của chủ nghĩa tự do (Libertarianism), đòi hỏi một sự tôn trọng tuyệt đối đối với nhân vị, ngay cả khi chủ thể tự nguyện từ bỏ quyền đó.

Thứ hai, định nghĩa của I. Kant về hôn nhân như một liên minh pháp lý giữa hai chủ thể bình đẳng về quyền sở hữu thân thể (dù ông chưa thực hiện được điều này trọn vẹn trong thời đại của mình) lại chính là cấu trúc lý tưởng mà luật pháp hiện đại đang hướng tới. Khác với Hugo Grotius hay truyền thống gia trưởng cũ - nơi người vợ bị “hòa tan” vào chồng, I. Kant xác lập hôn nhân là hợp đồng giữa hai nhân vị độc lập [21]. Tư tưởng này tương đồng với nguyên tắc chế độ tài sản riêng và tư cách pháp nhân độc lập của vợ chồng trong Luật Hôn nhân và Gia đình hiện đại. Hơn nữa, việc I. Kant nhấn mạnh nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ đối

với con cái - không phải vì tình thương mà vì trách nhiệm đối với việc đã đưa một sinh linh vào thế giới rủi ro mà không có sự đồng ý của nó [2] - là một luận điểm đi trước thời đại, đặt nền tảng cho các luật về quyền trẻ em và nghĩa vụ cấp dưỡng ngày nay, tách biệt trách nhiệm nuôi dưỡng khỏi sự tùy hứng của tình cảm cha mẹ.

Tóm lại, di sản của I. Kant không nằm ở những quy định cụ thể về việc ai làm chủ gia đình, mà nằm ở phương pháp luận: chuyển dịch các quan hệ tình cảm tự nhiên sang ngôn ngữ của quyền và nghĩa vụ. Trong một thế giới hiện đại đề cao chủ nghĩa cá nhân, triết học I. Kant đóng vai trò như một “cái neo” đạo đức, khẳng định rằng tự do không phải là sự buông thả theo bản năng, mà là khả năng tự ràng buộc mình vào những quy luật đạo đức phổ quát để bảo vệ phẩm giá con người.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã hệ thống hóa quan điểm của I. Kant về tình dục, hôn nhân và gia đình, qua đó khẳng định sự chuyển dịch mô thức quan trọng từ mục đích luận sinh học sang nền tảng đạo đức pháp quyền trong tư duy của triết gia này. Kết quả cho thấy, I. Kant xem tính dục tự nhiên là nguy cơ dẫn đến sự “vật hóa”, biến con người thành phương tiện thỏa mãn ham muốn. Để giải quyết xung đột giữa bản năng và phẩm giá, ông xác lập hôn nhân như một khế ước pháp lý nghiêm ngặt dựa trên cơ chế “sở hữu trọn vẹn” - tức là việc mỗi bên không chỉ nắm giữ các thuộc tính giới tính mà còn sở hữu toàn bộ nhân vị (bao gồm cả quyền tự do) của đối phương, nhờ đó sự bình đẳng được khôi phục và nhân phẩm được bảo toàn. Trong phạm vi gia đình, ông kiến tạo một cấu trúc quyền lực dựa trên công lý: quyền quản trị của người chồng bị giới hạn bởi tự do nội tại của người vợ, và cha mẹ có nghĩa vụ tuyệt đối nuôi dưỡng con cái xuất phát từ trách nhiệm kiến tạo sinh mệnh chứ không phải quyền sở hữu tài sản.

Giá trị đương đại của tư tưởng I. Kant nằm ở việc cung cấp những nguyên tắc cốt lõi về quyền tự quyết và chống xâm hại tình dục, đặt nền móng cho luật hôn nhân hiện đại về sự bình đẳng pháp lý. Từ kết quả này, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng so sánh quan điểm gia đình của I. Kant với các giá trị truyền thống Á Đông, hoặc vận dụng đạo đức học của ông để giải quyết các vấn đề đạo đức sinh học mới nổi như mang thai hộ thương mại, quyền của trẻ em trong kỹ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] I. Kant (1930), *Lectures on Ethics* (L. Infield, Trans.), Methuen & Co. Ltd, London, 600pp.
- [2] I. Kant (1991), *The Metaphysics of Morals* (M. Gregor, Trans.), Cambridge University Press, Cambridge.

- [3] H. Varden (2006), “Kant and sexuality”, *Kantian Review*, **15**, pp.335-372.

- [4] H. Varden (2018), “Kant’s moral theory and feminist ethics: Women, embodiment, care relations, and systemic injustice”, *The Bloomsbury Companion to Analytic Feminism*, Bloomsbury Academic, London.

- [5] J.M. Finnis (1987), “Legal enforcement of ‘duties to oneself’: Kant vs. neo-Kantians”, *Columbia Law Review*, **87**(3), pp.433-456.

- [6] K. Bauer (2018), “Cognitive self-enhancement as a duty to oneself: A Kantian perspective”, *The Southern Journal of Philosophy*, **56**(1), pp.50-67, DOI: 10.1111/sjp.12264.

- [7] D. Mattox (2014), *Objectified in The Best Possible Way: A Radical Feminist Solution to The Kantian Sex Problem*, Master’s Thesis, Morehead State University.

- [8] I. Kant (2004), *Critique of Pure Reason*, Barnes & Noble Publishing, 546pp.

- [9] I. Kant (2006), *Critique of Judgment* (B.V.N. Son, Trans.), Tri Thuc Publishing House, 584pp (in Vietnamese).

- [10] I. Kant (2007), *Critique of Practical Reason* (B.V.N. Son, Trans.), Tri Thuc Publishing House, Hanoi, 312pp (in Vietnamese).

- [11] Institute of Philosophy (1997), *I. Kant - The Founder of German Classical Philosophy*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 350pp (in Vietnamese).

- [12] T.D. Tran (2005), *Kant’s Philosophy*, Culture and Information Publishing House, Hanoi, 420pp (in Vietnamese).

- [13] V.H. Nguyen (2016), “Cognitive subjects in Immanuel Kant’s philosophy”, *Social Sciences Information Review*, **(5)**, pp.11-18 (in Vietnamese).

- [14] V.H. Nguyen (2020), “Immanuel Kant’s moral philosophy”, *Journal of Social Sciences and Humanities*, **6**(2), pp.177-185 (in Vietnamese).

- [15] D.T. Le (2018), “Tolerance thought in Immanuel Kant’s philosophy and its contemporary significance”, *Journal of Science Hong Duc University*, **(15)**, pp.81-90 (in Vietnamese).

- [16] D.T. Le (2020), “Immanuel Kant’s aesthetic philosophy and its educational significance in human construction in Vietnam today”, *Dong Nai University Journal of Science*, **(18)**, pp.38-48 (in Vietnamese).

- [17] T. Aquinas (1920), *The Summa Theologica* (Vol. II), Benziger Bros, New York, approx. 500pp.

- [18] J. Locke (2006), *Second Treatise of Government* (L.T. Huy, Trans.), Tri Thuc Publishing House, Hanoi, 320pp (in Vietnamese).

- [19] D. Hume (1911), *A Treatise of Human Nature* (Vol. I), J.M. Dent & Sons Ltd, London, 320pp.

- [20] J.J. Rousseau (2008), *Emile, or On Education* (L.H. Sam & T.Q. Duong, Trans.), Tri Thuc Publishing House, 691pp (in Vietnamese).

- [21] H. Grotius (1925), *De Jure Belli ac Pacis Libri Tres* (Vol. II), Clarendon Press, Oxford, 946pp.